BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Số: 818 /KH-ĐHSPTDTTHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2026

KẾ HOẠCH
Tổ chức thực hiện công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị và viên chức, sĩ quan, người lao động năm học 2025 - 2026

Căn cứ Nghị định số 233/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức;

Căn cứ Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị và viên chức, sĩ quan, người lao động của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1326/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Nhà trường ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị và viên chức, sĩ quan, người lao động (VC, SQ, NLĐ) năm học 2025 - 2026 như sau:

I. Mục đích

1. Đánh giá, xếp loại chất lượng VC, SQ, NLĐ nhằm làm rõ ưu điểm, hạn chế, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá, xếp loại là căn cứ để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chính sách khác đối với VC.

2. Tổng kết, đánh giá kết quả công tác, những hạn chế của cá nhân, đơn vị và của Trường trong năm học 2025 - 2026; làm cơ sở bình xét thi đua - khen thưởng năm học và xây dựng phương hướng công tác năm học 2026 - 2027.

II. Yêu cầu

1. Bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác, đúng thẩm quyền; không nể nang, trù dập, thiên vị, hình thức.

2. Việc đánh giá, xếp loại phải căn cứ chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ thể hiện qua công việc, sản phẩm cụ thể, có minh chứng; làm rõ ưu điểm, hạn chế của VC. Đánh giá VC quản lý phải dựa vào kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách. Mức xếp loại của người đứng đầu đơn vị không được cao hơn mức xếp loại của đơn vị.

3. Các đơn vị thực hiện đúng nội dung, thời hạn của Kế hoạch; hoàn thành xếp loại chất lượng năm học 2025 - 2026 đúng thời gian quy định.

III. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường (phòng, khoa, trung tâm và các đơn vị tương đương) và VC, SQ, NLĐ đang công tác tại Trường, kể cả người đang đi công tác, học tập dài hạn trong và ngoài nước, nữ nghỉ thai sản theo chế độ, NLĐ mới tuyển dụng có thời gian làm việc từ 06 tháng trở lên, được thực hiện theo quy định tại Quy chế.

2. Thời gian xem xét đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị và VC, SQ, NLĐ năm học 2025 - 2026 từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 30/6/2026.

IV. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định việc đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể Nhà trường và Hiệu trưởng.

2. Hiệu trưởng đánh giá, xếp loại chất lượng Phó Hiệu trưởng và Trưởng các đơn vị; công nhận kết quả xếp loại các đơn vị; quyết định xếp loại chất lượng VC, SQ, NLĐ thuộc thẩm quyền quản lý trên cơ sở đề nghị của Trưởng đơn vị. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về kết quả xếp loại trước Bộ Giáo dục và Đào tạo và trước pháp luật.

3. Trưởng đơn vị tổ chức đánh giá, đề nghị xếp loại chất lượng VC, SQ, NLĐ của đơn vị và chịu trách nhiệm về đề nghị của mình trước Hiệu trưởng.

V. Nguyên tắc, tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại

Nguyên tắc, tiêu chí, cách chấm điểm, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị và VC, SQ, NLĐ thực hiện theo Quy chế. Do năm học 2025 - 2026 kết thúc trước ngày Quy chế có hiệu lực và chưa thực hiện đánh giá hằng quý, nên áp dụng quy định chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 21 Quy chế như sau:

a) Đánh giá một lần theo kết quả công tác cả năm học (từ 01/7/2025 đến hết 30/6/2026), không tính trung bình điểm các quý;

b) VC, SQ, NLĐ tự đánh giá, tự chấm điểm cả năm (tiêu chí chung tối đa 30 điểm, tiêu chí kết quả tối đa 70 điểm) theo bảng tiêu chí tại Điều 9 và hướng dẫn chấm tại Điều 10 Quy chế, sử dụng Mẫu số 02, 03, 04 ghi số liệu cả năm học để chấm điểm từng tiêu chí, sau đó tổng hợp vào Mẫu số 05; Trưởng đơn vị xác nhận trên cơ sở nhiệm vụ đã giao và minh chứng của cả năm học;

c) Số liệu giờ giảng, nghiên cứu khoa học, kết quả học tập và các số liệu khác do đơn vị chức năng xác nhận, chốt đến hết ngày 30/6/2026 (Phụ lục II);

d) Tỷ lệ xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: đơn vị đề xuất theo từng nhóm của đơn vị, cuộc họp cấp Trường xem xét và tính tỷ lệ 20% theo từng nhóm của toàn Trường theo khoản 6 Điều 12 Quy chế; trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện theo Quy chế; riêng Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Điều 20 Quy chế.

VI. Thời gian tổ chức thực hiện

TT	Thời gian	Nội dung	Đơn vị thực hiện
1	Ngày 20/11/2026	Ban hành Kế hoạch; triển khai đến toàn thể VC, SQ, NLĐ	Phòng TCCB
2	Từ 20/11/2026 đến 23/11/2026	Các đơn vị chức năng cung cấp số liệu, minh chứng chốt đến 30/6/2026 cho các đơn vị và Phòng TCCB (chi tiết tại Phụ lục II)	Các đơn vị chức năng
3	Từ 20/11/2026 đến 23/11/2026	- VC, SQ, NLĐ tự đánh giá, tự chấm điểm cả năm học, liệt kê minh chứng (Phụ lục I); - Họp toàn thể VC, SQ, NLĐ tại đơn vị: đánh giá, xếp loại đơn vị trước, VC, SQ, NLĐ sau; - Đề xuất VC xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo từng nhóm của đơn vị (không quá 20% số VC đề xuất xếp loại tốt của nhóm; nhóm dưới 05 người được chọn tối đa 01 người); - Lập Báo cáo kết quả công tác của đơn vị (Mẫu 01), biên bản họp; nộp hồ sơ về Phòng TCCB đến hết ngày 23/11/2026	Các đơn vị
4	Ngày 23/11/2026	Rà soát hồ sơ đánh giá, xếp loại của các đơn vị; tổng hợp đề xuất xếp loại xuất sắc của các đơn vị theo từng nhóm trên toàn Trường; tổng hợp danh sách đề xuất xếp loại đơn vị và VC, SQ, NLĐ	Phòng TCCB
5	Ngày 25/11/2926	- Cuộc họp cấp Trường: thông qua kết quả đánh giá, xếp loại các đơn vị để Hiệu trưởng công nhận; xem xét, tính tỷ lệ 20% xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo từng nhóm của toàn Trường; - Họp nhận xét, đánh giá Phó Hiệu trưởng và Hiệu trưởng; lấy ý kiến cấp ủy.	Phòng TCCB
6	Ngày 25/11/2926	Ban hành quyết định kèm theo thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, và VC, SQ, NLĐ công khai trên trang điện tử của Nhà trường.	Phòng TCCB trình Hiệu trưởng ký
7	Từ 25/11/2026 đến 30/11/2026	Tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại liên quan sau khi có thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, và VC, SQ, NLĐ	Phòng TCCB

TT	Thời gian	Nội dung	Đơn vị thực hiện
8	Đến ngày 31/11/2026	Lưu trữ hồ sơ đánh giá, xếp loại; chuyển kết quả để thực hiện chế độ, chính sách và thi đua, khen thưởng	Phòng TCCB và Phòng HC-TH

VII. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Phòng Tổ chức cán bộ tham mưu, giúp Hiệu trưởng thực hiện đúng các nội dung của Quy chế và Kế hoạch; hướng dẫn biểu mẫu, tập hợp hồ sơ, tiếp nhận, giải quyết vướng mắc, khiếu nại, ý kiến đóng góp; tổng hợp kết quả trình Hiệu trưởng phê duyệt; thông báo kết quả, lưu hồ sơ; cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia và thông báo công khai tổng hợp danh sách điểm danh, ngày công năm học 2025 - 2026.

2. Phòng Quản lý đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế, Khoa Đào tạo sau đại học cung cấp số giờ giảng của giảng viên trong năm học 2025 - 2026, danh sách giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và các vi phạm của giảng viên (nếu có).

3. Các đơn vị chức năng khác cung cấp số liệu, minh chứng theo Phụ lục II, bảo đảm đúng thời hạn, chính xác và chịu trách nhiệm về số liệu đã cung cấp.

4. Trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị và VC, SQ, NLĐ; nộp đầy đủ hồ sơ về Phòng TCCB đúng thời hạn; hoàn thiện các yêu cầu nhập dữ liệu trên nền tảng số theo hướng dẫn của Phòng TCCB. Lưu ý đối với VC, SQ, NLĐ đi học tập, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài thì kèm theo kết quả học tập trong hồ sơ đánh giá.

5. Đánh giá, xếp loại chất lượng là nội dung quan trọng, yêu cầu các đơn vị, cá nhân thực hiện đúng thực chất, hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu và đúng thời gian.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thực hiện công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị và VC, SQ, NLĐ của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội năm học 2025 - 2026. Trong quá trình tổ chức thực hiện có vướng mắc, liên hệ trực tiếp với đồng chí Trần Hà Vy - Chuyên viên Phòng TCCB.

Nơi nhận:
- Các đơn vị (để th/h);
- Công đoàn (để ph/h);
- Website Trường;
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Nguyễn Duy Quyết

PHỤ LỤC I

CÁC BIỂU MẪU BAN HÀNH KÈM THEO QUY CHẾ SỬ DỤNG ĐỂ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐƠN VỊ VÀ VC, SQ, NLĐ NĂM HỌC 2025 - 2026

Mẫu số	Nội dung	Đối tượng	Tổ chức thực hiện	Thời hạn
01	Báo cáo kết quả công tác của đơn vị; biên bản họp đơn vị	Đơn vị thuộc, trực thuộc Trường	Đơn vị	Từ 20/11/2026 đến 23/11/2026
02	Phiếu chấm điểm tiêu chí - giảng viên, sĩ quan giảng dạy (ghi "cả năm học 2025 - 2026" tại ô kỳ đánh giá)	VC, SQ, NLĐ thực hiện nhiệm vụ giảng dạy không giữ chức vụ quản lý	Đơn vị	Từ 20/11/2026 đến 23/11/2026
03	Phiếu chấm điểm tiêu chí - khối hành chính, hỗ trợ (ghi "cả năm học 2025 - 2026")	VC, SQ, NLĐ khối hành chính, hỗ trợ không giữ chức vụ quản lý	Đơn vị	Từ 20/11/2026 đến 23/11/2026
04	Phiếu chấm điểm tiêu chí - viên chức quản lý (ghi "cả năm học 2025 - 2026")	Phó Hiệu trưởng, Trưởng, VC, SQ giữ chức vụ quản lý	Đơn vị	Từ 20/11/2026 đến 23/11/2026
05	Phiếu xếp loại chất lượng viên chức (năm) - tổng hợp điểm	VC, SQ, NLĐ; Phó Hiệu trưởng;	Đơn vị	Từ 20/11/2026 đến 23/11/2026
06	Phiếu tổng hợp		Đơn vị	Từ 20/11/2026 đến 23/11/2026

Mẫu số 01

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
ĐƠN VỊ: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC VÀ TỰ CHẤM ĐIỂM CỦA ĐƠN VỊ

Năm học 2025 - 2026

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường

.....

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm học (số nhiệm vụ được giao, số hoàn thành đúng hạn, số vượt mức, số nhiệm vụ đột xuất)

.....

3. Đóng góp vào công việc chung, tác động đến ngành, lĩnh vực; sáng kiến, giải pháp đổi mới (nếu có)

.....

4. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng VC, SQ, NLĐ của đơn vị (số lượng, tỷ lệ từng mức)

.....

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

.....

III. TỰ CHẤM ĐIỂM (theo Điều 5 Quy chế)

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Đơn vị tự chấm	Hiệu trưởng chấm
1.1	Chấp hành đường lối, chính sách; thực hiện chỉ đạo, kế hoạch; quy chế dân chủ	10		
1.2	Quản lý tổ chức bộ máy, VC; đoàn kết nội bộ; kỷ luật, kỷ cương; tiết kiệm	10		
1.3	Cải cách hành chính, CNTT, chuyển đổi số; khắc phục tồn tại	10		
2.1	Hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch năm học	30		
2.2	Hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, bổ sung	10		
2.3	Chất lượng sản phẩm, dịch vụ	15		
2.4	Hiệu quả sử dụng nguồn lực	8		
2.5	Đổi mới và phát triển	7		
	TỔNG ĐIỂM	**100**		

IV. ĐỀ XUẤT MỨC XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG

☐ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ☐ Hoàn thành tốt nhiệm vụ

☐ Hoàn thành nhiệm vụ ☐ Không hoàn thành nhiệm vụ

V. Ý KIẾN NHẬN XÉT CỦA LÃNH ĐẠO ĐƯỢC PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ

.....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Mẫu số 02

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
ĐƠN VỊ: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Dành cho giảng viên không giữ chức vụ quản lý)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM CẢ NĂM HỌC - GIẢNG VIÊN

Năm học 2025 - 2026

Họ và tên: ..... Chức danh nghề nghiệp: .....

Bộ môn: ..... Khoa/đơn vị: .....

I. NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC

TT	Nhiệm vụ được giao trong năm học (nội dung, sản phẩm đầu ra)	Thời hạn	Kết quả thực hiện (hoàn thành/vượt mức/chưa hoàn thành; đúng hạn/chậm)
1			
2			
3			
4			
5			

II. SỐ LIỆU LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM HỌC (để đối chiếu khi chấm điểm)

- Giờ giảng: kế hoạch cả năm học ..... giờ chuẩn; thực hiện ..... ; lũy kế ...../..... giờ chuẩn (trực tiếp .....). Nghiên cứu khoa học: lũy kế ...../.....
- Kết quả học tập của người học: tỷ lệ SV không thi lại .....%; khá, giỏi .....%. - Đề tài/nhiệm vụ đúng tiến độ: ...../.....
- Số buổi nghỉ việc riêng: ..... ; vắng không lý do: .....

III. CHẤM ĐIỂM

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị	Hiệu trưởng	Ghi chú (liệt kê chi tiết thành tích, minh chứng nếu đạt điểm tối đa)
I. TIÊU CHÍ CHUNG (30 điểm)						
1.1	Phẩm chất chính trị, đạo đức; ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương	10				
1.2	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; tinh thần trách nhiệm; thái độ phục vụ; phối hợp	10				
1.3	Năng lực đổi mới, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm	10				
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (70 điểm)						
A. Số lượng						
2.1	Bảo đảm số giờ giảng dạy theo kế hoạch được phân công (Bảng A)	20				

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị	Hiệu trưởng	Ghi chú (liệt kê chi tiết thành tích, minh chứng nếu đạt điểm tối đa)
2.2	Bảo đảm giờ nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm theo kế hoạch (Bảng B)	10				
B. Chất lượng						
2.3	Kết quả học tập của người học (Bảng B)	10				
2.4	Chấp hành quy định chuyên môn: hồ sơ giảng dạy, coi thi, chấm bài, chủ nhiệm lớp (Bảng B)	10				
2.5	Nhiệm vụ kết nối, phục vụ cộng đồng (Bảng B)	5				
2.6	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (Bảng B)	5				
C. Tiến độ						
2.7	Giờ giấc lên, xuống lớp; nhập điểm, nộp hồ sơ đúng hạn (Bảng B)	6				
2.8	Hội họp, sinh hoạt chuyên môn (khoản 4 Điều 10)	4				
	TỔNG ĐIỂM CẢ NĂM HỌC	**100**				

Tổng điểm cả năm học: ...../100.

Ưu điểm: .....

Hạn chế (nếu có): .....

Ý kiến của Trưởng đơn vị: .....

Kết quả đánh giá, xếp loại: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ	TRƯỞNG ĐƠN VỊ	HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 03

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
ĐƠN VỊ: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Dành cho VC, SQ, NLĐ khối hành chính, phục vụ, hỗ trợ không giữ chức vụ quản lý)

PHIẾU CHẤM ĐIỂM CẢ NĂM HỌC - VIÊN CHỨC KHỐI HÀNH CHÍNH, PHỤC VỤ, HỖ TRỢ

Năm học 2025 - 2026

Họ và tên: ..... Vị trí việc làm/chức danh: .....

I. NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC

TT	Nhiệm vụ được giao trong năm học (nội dung, sản phẩm đầu ra)	Thời hạn	Kết quả thực hiện (hoàn thành/vượt mức/chưa hoàn thành; đúng hạn/chậm)
1			
2			
3			
4			
5			

II. SỐ LIỆU TỔNG HỢP TRONG NĂM HỌC

- Công việc được giao: ..... ; hoàn thành: ..... (tỷ lệ .....%); đúng hạn: ..... (tỷ lệ .....%). Nhiệm vụ đột xuất: giao ..... ; hoàn thành .....
- Hồ sơ, văn bản phải làm lại: ..... ; số buổi nghỉ việc riêng: ..... ; vắng không lý do: .....

III. CHẤM ĐIỂM

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị	Hiệu trưởng	Ghi chú (liệt kê chi tiết thành tích, minh chứng nếu đạt điểm tối đa)
I. TIÊU CHÍ CHUNG (30 điểm)						
1.1	Phẩm chất chính trị, đạo đức; ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương	10				
1.2	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; tinh thần trách nhiệm; thái độ phục vụ; phối hợp	10				
1.3	Năng lực đổi mới, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm	10				
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (70 điểm)						
A. Số lượng						
2.1	Mức độ hoàn thành khối lượng công việc theo vị trí việc làm (Bảng A)	22				
2.2	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, bổ sung (Bảng A)	5				
B. Chất lượng						

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị	Hiệu trưởng	Ghi chú (liệt kê chi tiết thành tích, minh chứng nếu đạt điểm tối đa)
2.3	Chất lượng xử lý công việc (Bảng B)	13				
2.4	Thái độ phục vụ; mức độ hài lòng của đơn vị, người học (Bảng B)	5				
2.5	Sáng kiến, đề xuất cải tiến được áp dụng (Bảng B)	5				
2.6	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (Bảng B)	5				
C. Tiến độ						
2.7	Hoàn thành công việc đúng thời hạn (Bảng A)	10				
2.8	Ngày công, giờ công; chấp hành phân công; hội họp, sinh hoạt (khoản 4 Điều 10)	5				
	TỔNG ĐIỂM CẢ NĂM HỌC	**100**				

Tổng điểm cả năm học: ...../100.

Ưu điểm: .....

Hạn chế (nếu có): .....

Ý kiến của Trưởng đơn vị: .....

Kết quả đánh giá, xếp loại: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ	TRƯỞNG ĐƠN VỊ	HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 04

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
ĐƠN VỊ: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU CHẤM ĐIỂM CẢ NĂM HỌC - VIÊN CHỨC, SĨ QUAN GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ

Năm học 2025 - 2026

Họ và tên: ..... Chức vụ: .....

Đơn vị/lĩnh vực được giao quản lý, phụ trách: .....

I. NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC

TT	Nhiệm vụ được giao trong năm học (nội dung, sản phẩm đầu ra)	Thời hạn	Kết quả thực hiện (hoàn thành/vượt mức/chưa hoàn thành; đúng hạn/chậm)
1			
2			
3			
4			
5			

II. SỐ LIỆU TỔNG HỢP TRONG NĂM HỌC

- Nhiệm vụ cá nhân: giao ..... ; hoàn thành đúng hạn, đúng chất lượng ..... (tỷ lệ .....%). Nếu là giảng viên, số liệu lũy kế: thực hiện ..... /định mức ..... giờ chuẩn
- Chỉ tiêu, nhiệm vụ của đơn vị/lĩnh vực phụ trách: giao ..... ; hoàn thành ..... (tỷ lệ .....%)

III. CHẤM ĐIỂM

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị	Hiệu trưởng	Ghi chú (liệt kê chi tiết thành tích, minh chứng nếu đạt điểm tối đa)
I. TIÊU CHÍ CHUNG (30 điểm)						
1.1	Phẩm chất chính trị, đạo đức; ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương	10				
1.2	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; tinh thần trách nhiệm; thái độ phục vụ; phối hợp	10				
1.3	Năng lực đổi mới, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm	10				
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (70 điểm)						
2.1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cá nhân được giao; nếu là giảng viên thì tính cả việc bảo đảm số giờ giảng dạy theo định mức đã giảm (Bảng A)	27				

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị	Hiệu trưởng	Ghi chú (liệt kê chi tiết thành tích, minh chứng nếu đạt điểm tối đa)
2.2	Kết quả hoạt động của đơn vị/lĩnh vực được giao phụ trách (Bảng A)	18				
2.3	Khả năng tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ (Bảng B)	12				
2.4	Năng lực tập hợp, đoàn kết VC, NLĐ thuộc quyền (Bảng B)	8				
2.5	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành (Bảng B)	5				
	TỔNG ĐIỂM CẢ NĂM HỌC	**100**				

Tổng điểm cả năm học: ...../100.

Ưu điểm: .....

Hạn chế (nếu có): .....

Ý kiến của người có thẩm quyền đánh giá: .....

Kết quả đánh giá, xếp loại: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ	TRƯỞNG/PHÓ ĐƠN VỊ	HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI **ĐƠN VỊ: .....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Cụ thể hóa Phụ lục II Nghị định số 233/2026/NĐ-CP)

PHIẾU XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC

Năm học .....

Họ và tên: .....

Chức vụ, chức danh: .....

Đơn vị công tác: .....

I. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Cả năm
1. Điểm theo tiêu chí chung (tối đa 30)	Bình quân: .....
2. Điểm theo tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ (tối đa 70)	Bình quân: .....
3. Tổng điểm theo dõi, đánh giá (1 + 2, tối đa 100)	**Điểm năm: .....**

II. LƯU Ý CUỐI NĂM (điều kiện xét xếp loại, đạt/không đạt, không chấm điểm; số liệu chốt đến 30/6)

1. Chung:

☐ Không thuộc trường hợp tại điểm a, b khoản 4 Điều 11

☐ Nộp tự đánh giá đúng hạn

2. Giảng viên (kể cả viên chức quản lý là giảng viên): giờ giảng dạy ..... /..... giờ chuẩn (đạt .....%); giờ nghiên cứu khoa học ..... /..... (đạt .....%); các tiêu chí đặc biệt theo năm (nếu có): .....

Kết luận:

☐ Bảo đảm định mức

☐ Thiếu định mức (đã bù / chưa bù theo quy định)

3. Viên chức quản lý:

☐ Đơn vị/lĩnh vực phụ trách hoàn thành từ 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ; tỷ lệ .....

III. ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ

1. Ưu điểm: .....

2. Hạn chế: .....

IV. VIÊN CHỨC TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG

☐ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ☐ Hoàn thành tốt nhiệm vụ

☐ Hoàn thành nhiệm vụ ☐ Không hoàn thành nhiệm vụ

V. KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN

☐ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ☐ Hoàn thành tốt nhiệm vụ

☐ Hoàn thành nhiệm vụ ☐ Không hoàn thành nhiệm vụ

VI. Ý KIẾN NHẬN XÉT CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN VÀ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ (căn cứ Điều 17 Quy chế)

.....

.....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

VIÊN CHỨC TỰ XẾP LOẠI	**HIỆU TRƯỞNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 06

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ QUÝ CỦA ĐƠN VỊ

Quý ..... Năm học .....

TT	Họ và tên	Chức vụ/ chức danh	Điểm tiêu chí chung (30)	Điểm tiêu chí kết quả (70)	Tổng điểm quý (100)	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						

Tổng số VC, SQ, NLĐ được đánh giá: ..... ; điểm bình quân của đơn vị: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II

PHÂN CÔNG CUNG CẤP SỐ LIỆU, MINH CHỨNG PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI (số liệu chốt đến hết ngày 30/6/2026, gửi trước ngày 24/11/2026)

TT	Nội dung số liệu, minh chứng	Đơn vị cung cấp
1	Giờ giảng, định mức giờ chuẩn, bù giờ của giảng viên; vi phạm quy chế đào tạo (nếu có)	Phòng Quản lý đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế; Khoa Đào tạo sau đại học
2	Giờ nghiên cứu khoa học; danh sách VC, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ NCKH	Phòng Quản lý đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế
3	Kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, học viên do giảng viên phụ trách	Phòng Quản lý đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế; Khoa Đào tạo sau đại học; đơn vị phụ trách công tác sinh viên
4	Ngày công, điểm danh, vi phạm kỷ luật lao động, thay đổi nhân sự (chuyển công tác, nghỉ thai sản, đi học)	Phòng Tổ chức cán bộ
5	Kết quả tham dự họp, sinh hoạt chuyên môn và các hoạt động chung của Trường	

PHỤ LỤC III

THANG ĐIỂM (BẢNG A, BẢNG B) SỬ DỤNG KHI CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ TẠI MẪU SỐ 02, 03, 04 (Điều 10 Quy chế)

Điểm của từng tiêu chí = Điểm tối đa của tiêu chí × tỷ lệ điểm tra theo Bảng A (tiêu chí có số liệu tỷ lệ) hoặc Bảng B (tiêu chí đánh giá theo mức); làm tròn đến một chữ số thập phân. Năm học 2025 - 2026 chấm theo kết quả cả năm học, số liệu chốt đến hết ngày 30/6/2026.

Bảng A - Chấm theo tỷ lệ hoàn thành:

Tỷ lệ hoàn thành so với định mức, khối lượng, kế hoạch được giao	Điểm được tính
Đạt từ 100% trở lên	100% điểm tối đa
Từ 90% đến dưới 100%	85% điểm tối đa
Từ 80% đến dưới 90%	70% điểm tối đa
Từ 70% đến dưới 80%	55% điểm tối đa
Từ 50% đến dưới 70%	40% điểm tối đa
Dưới 50%	0 điểm

Bảng B - Chấm theo mức đánh giá:

Mức	Mô tả	Điểm được tính
Tốt	Thực hiện đầy đủ, có kết quả nổi bật hoặc có sản phẩm, giải pháp đã được áp dụng, kiểm chứng	100% điểm tối đa
Khá	Thực hiện đầy đủ, còn hạn chế nhỏ	80% điểm tối đa
Đạt yêu cầu	Cơ bản đạt yêu cầu, còn hạn chế đã được nhắc nhở, góp ý	60% điểm tối đa
Chưa đạt	Còn nhiều hạn chế hoặc có vi phạm, có phản ánh tiêu cực đã được xác minh	Từ 0 đến 30% điểm tối đa

Hướng dẫn xác định mức Bảng B đối với tiêu chí kết quả học tập của người học (tiêu chí 2.3 của giảng viên, tối đa 10 điểm). Giảng viên dạy nhiều loại học phần thì xác định mức theo tỷ lệ bình quân gia quyền theo số giờ giảng:

Loại học phần	Mức Tốt (100%)	Mức Khá (80%)	Mức Đạt (60%)
Môn thực hành	Không thi lại từ 80% và khá, giỏi từ 40% trở lên	Không thi lại từ 70% và khá, giỏi từ 30% trở lên	Chưa đạt mức Khá
Môn lý luận	Không thi lại từ 60% và khá, giỏi từ 30% trở lên	Không thi lại từ 50% và khá, giỏi từ 20% trở lên	Chưa đạt mức Khá
Môn thuộc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Không thi lại từ 60% trở lên	Không thi lại từ 50% trở lên	Chưa đạt mức Khá